

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2023/DS-PT
Ngày: 17- 4 -2023
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng và hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Tâm;
bà D Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Nguyên V, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1996; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1925 (đã chết vào ngày 05/4/2022);

Người kế thừa, quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Lê Thị C1, sinh năm 1964; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1966; (đã chết ngày 29/12/2022) *g người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2:*

- Ông Nguyễn Anh H (chồng bà T2), sinh năm 1963, vắng mặt.
- Chị Nguyễn Thị Kim N (con của bà T2), sinh năm 1986, có mặt.
- Anh Nguyễn Lê Ngọc T3 (con của bà T2), sinh năm 1992, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Lê Đức T4, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

4. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1971; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

5. Ông Lê Thanh L2, sinh năm 1972; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

6. Bà Lê Long X, sinh năm 1977; cư trú tại: ấp T, xã Y, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X:

- Bà Võ Hương D, Luật sư - Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- Ông Phạm Văn T4, Luật sư - Công ty Luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh, có mặt.

7. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1959; cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Quang T5, sinh năm 1966, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1969, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

3. Bà Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp H, xã T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2; ông Lê Đức T4; ông Lê Văn Đ; bà X và bà Lê Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Nguyên V trình bày:

Vào ngày 22/02/2017 (âm lịch) nhằm là ngày 19/3/2017 (dương lịch) ông có làm giấy nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn C phần đất diện tích đất 750m² (chiều ngang mặt trước 15m x chiều dài 50m, chiều ngang mặt sau 01m) đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với giá 40.000.000 đồng, trả trước số tiền 25.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.000.000 đồng trả đủ sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng. Ông C đã cắm trụ bê tông làm ranh và tiến hành đo giao đất nhưng ông không trực tiếp quản lý sử dụng. Khi chuyển nhượng đất chưa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông và ông C không đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hiện nay phần đất này bà Phạm Kim L đang quản lý sử dụng. Nay ông yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/3/2017 giữa ông và ông C vô hiệu, buộc ông C trả lại số tiền đã nhận là 25.000.000 đồng và bồi thường giá trị đất chênh lệch 425.000.000 đồng, tổng cộng ông C có trách nhiệm trả cho ông số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 10/8/2022 ông V rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 589,8 m² và rút số tiền 289.800.000 đồng, yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông C có trách nhiệm hoàn trả số tiền 25.000.000 đồng và bồi thường giá trị chênh lệch đất diện tích 160,2m² thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 27, số tiền 160.200.000 đồng, tổng cộng số tiền 185.200.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 23/4/2018 bà có làm giấy viết tay nhận chuyển nhượng của ông C phần đất diện tích 750m² (chiều ngang mặt trước 15m x chiều dài 50m, chiều ngang mặt sau 01m) đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với giá 55.000.000 đồng, trả trước số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 15.000.000 đồng trả đủ sau khi làm xong thủ tục chuyển nhượng. Hai bên có tiền hành đo và giao đất, đến tháng 12 năm 2019 thì bà tiến hành xây nhà cấp 4 trên phần đất này. Khi chuyển nhượng phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên bà với ông C chưa đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay bà yêu cầu ông C hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 750m² cho bà và đồng ý hoàn trả cho ông C số tiền 15.000.000 đồng còn lại. Ngày 07/3/2022 bà L có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Văn C.

Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Bà là con ruột của ông C nên vào ngày 05/3/2014 ông C có làm giấy viết tay tặng cho bà một phần diện tích đất chiều ngang 30m x chiều dài 80m do ông C khai hoang mà có, đất có tứ cận như sau: Đông giáp nông trường Suối nước trong, Tây giáp đường nhựa 793; Nam giáp chị T; Bắc giáp đất chị T. Khi cha bà tặng cho đất có sự chứng kiến của bà Hồ Thị C2 (em gái ruột ông C), ông Trịnh Văn D, ông C3 và ông C có tiền hành đo và giao đất cho bà, có cắm trụ làm ranh. Sau khi ông C cho đất bà không quản lý sử dụng và phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông C cho đất giữa bà và ông C không đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất với lý do là phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà chờ kết quả đo đạc chính quy tại xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh mới làm thủ tục cấp sổ cho bà. Việc ông C chuyển nhượng một phần đất 750m² cho ông V, bà L trong tổng diện tích đất ông C tặng cho bà, bà không biết. Nay bà khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn C và ông Võ Nguyên V, bà Phạm Thị Kim L vô hiệu, buộc ông Lê Văn C hoàn thành thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất chiều ngang 30m x chiều dài 80m cho bà. Ngày 25/3/2022 bà Hồ Thị T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/6/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị C1 trình bày:

Vào ngày 22/02/2017 (âm lịch) nhằm ngày 19/3/2017 (dương lịch) ông C không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 15m ngang x 50m chiều dài, đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh cho ông V. Do đó ông C không tiến hành đo và giao đất cho ông V như lời trình bày của ông V. Tuy nhiên trước ngày 22/02/2017 (âm lịch) tức ngày 19/3/2017 (dương lịch) ông C có nợ ông V số tiền 25.000.000 đồng là tiền nợ mua thiếu vé số và tiền đề (trong đó số tiền gốc 17.000.000 đồng, tiền lãi 8.000.000 đồng), do ông C không có khả năng trả nợ nên ông V yêu cầu ông C làm một giấy sang nhượng phần đất diện tích 15m ngang x 50m chiều dài để trừ đi số nợ 25.000.000 đồng. Sau khi ông V viết giấy sang nhượng đất đối với phần đất nêu trên ông V ép ông C ký tên vào giấy sang nhượng đất trong lúc ông C say rượu. Bà thừa nhận chữ ký và ghi rõ họ và tên người bán “Lê Văn C” là của ông C. Do ông C đã lớn tuổi không có khả năng nhận thức nên mới làm giấy sang nhượng phần đất để trừ nợ cho ông V, tuy nhiên ngoài lời trình bày của bà ra thì ông C không có giấy tờ gì chứng minh số tiền 25.000.000 đồng là tiền nợ vé số và nợ đề và cũng không có chứng cứ chứng minh rằng ông V ép ông C viết giấy sang nhượng đất để trừ nợ. Nay ông C đồng ý hoàn trả cho ông V số tiền 25.000.000 đồng, không đồng ý bồi thường giá trị đất chênh lệch cho ông V.

Ngày 05/4/2022 bị đơn ông Lê Văn C chết người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Hồ Thị T, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4, ông Lê Thanh L2, Lê Long X thống nhất trình bày:

Ông C có cha là ông Hồ Văn T5, mẹ Lê Thị L1 nhưng đều đã chết trước ông C. Khi ông C còn sống chung sống với ba người vợ cụ thể:

- Người vợ thứ nhất: chung sống với bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1939 từ năm 1958 (đã chết vào năm 2015) không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có một người con chung là bà Hồ Thị T, sinh năm 1959, không có con nuôi.

- Người vợ thứ hai: bà Phan Thị N1 (đã chết vào ngày 07/12/1991) chung sống vào năm 1963, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 06 người con gồm: bà Lê Thị C1, sinh năm 1964, bà Lê Thị T2, sinh năm 1966, ông Lê Văn Đ, sinh năm 1969, ông Lê Đức T4, sinh năm 1970, ông Lê Thanh L2, sinh năm 1972 và bà Lê Long X (tên thường gọi T7), sinh năm 1977, không có con nuôi.

- Người vợ thứ 03: chung sống với bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1940, vào năm 1990 không đăng ký kết hôn và cũng không có người con chung, con nuôi nào khác. Ngoài 07 người con trên thì ông C không còn người con riêng, người con nuôi nào khác và không có cha nuôi, mẹ nuôi.

Sau khi ông C chết các con của ông C chưa làm thủ tục chia di sản thừa kế của ông C. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Nguyên V yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kim H3, ông Phạm Quang T5 thống nhất trình bày:

Phần đất diện tích 750m² (chiều ngang mặt trước 15m x chiều dài 50m, chiều ngang mặt sau 01m) đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh là ông C chuyển nhượng cho con của ông, bà là Phạm Thị Kim L với giá 55.000.000 đồng, trả trước 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 15.000.000 đồng trả đủ khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi chuyển nhượng L đã tiến hành xây nhà cấp 4 kiên cố trên phần đất này, hiện nay ông, bà là người sinh sống trên phần đất xây căn nhà nay. Nay ông, bà yêu cầu ông C hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho Phạm Thị Kim L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thanh H2 trình bày:

Vào ngày 25/6/2007 bà có làm giấy viết tay sang nhượng của bà Lê Long X phần đất chiều ngang 20m x chiều dài hết đất, đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với giá 150.000.000 đồng, khi chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng bà X đã đo, giao đất cho bà và bà đã đổ một phần đất san lấp mặt bằng ở hướng đông giáp với đường ĐT793. Sau khi Tòa án trích đo phần đất tranh chấp thể hiện bà L xây hàng rào lấn sang phần đất bà nhận chuyển nhượng của bà X diện tích là 93,6m² nay bà tự thương lượng giải quyết với bà L, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 122, 123, 129, 615, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 158, Điều 166, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Nguyên V về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” diện tích đất 160,2 m² Tộc thửa số 66, tờ bản đồ số 75, đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đối với người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn C là bà Hồ Thị T, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4, ông Lê Thanh L2, bà Lê L2 X vô hiệu.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn C là bà Hồ Thị T, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4, ông Lê Thanh L2, bà Lê L2 X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 92.600.000 (chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông Lê Văn C để lại.

1.2 Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Nguyên V về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” diện tích đất 160,2m² Tộc thửa số 66, tờ bản đồ số 75, đất tọa lạc tại ấp X, xã Y, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh với người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn C là bà Hồ Thị T, bà Lê Thị C1, bà Lê Thị T2, ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4, ông Lê Thanh L2, bà Lê L2 X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 67.600.000 (sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

1.3 Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Nguyên V đối với bị đơn ông Lê Văn C diện tích đất 589,8 m² và số tiền 289.800.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L, bà Hồ Thị T đối với bị đơn ông Lê Văn C.

Ông Võ Nguyên V và bà Phạm Thị Kim L, bà Hồ Thị T được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 03-10-2022, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C là bà Lê Thị T2; ông Lê Đức T4; ông Lê Văn Đ và bà Lê Long X làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Võ Nguyên V.

Ngày 05-10-2022, bà Lê Thị C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng đồng ý trả lại cho ông Võ Nguyên V số tiền 25.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông C để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Lê Thị C1 tự nguyện trả cho ông Võ Nguyên V 25.000.000 đồng tiền ông C nhận và tiền lãi là 15.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, các đồng thừa kế khác của ông C đồng ý. Ông V đồng ý nhận số tiền 40.000.000 đồng của bà C1; không yêu cầu gì thêm. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác các đương sự thống nhất theo bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thỏa Thuận của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29-12-2022, bà Lê Thị T2 chết, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà T2, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà T2 tham gia phiên tòa gồm có ông Nguyễn Anh H (chồng bà T2), chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Lê Ngọc T3 (con của bà T2).

Các đương sự bà Phạm Thị Kim L, ông Lê Thanh L2; ông Nguyễn Anh H,

anh Nguyễn Lê Ngọc A, ông Phạm Quang T5, bà Nguyễn Thị Kim H1, bà Nguyễn Thanh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa Tận như sau:

Bà Lê Thị C1 tự nguyện trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 40.000.000 đồng; ông V đồng ý nhận 40.000.000 đồng và hai bên thống nhất thỏa thuận giải quyết xong vụ án, không có tranh chấp gì khác; về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản thống nhất như bản án sơ thẩm; về án phí các đương sự thống nhất theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; việc thỏa thuận của các đương sự không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của những đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị của kiểm sát viên là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa nên án phí sơ thẩm được tính lại theo sự thỏa thuận của các đương sự; án phí phúc thẩm những đương sự có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 34/2022/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Lê Thị C1 trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu chẵn) đồng và hai bên thống nhất thỏa thuận giải quyết xong vụ án, không có tranh chấp gì khác.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định đo đạc và định giá tài sản:

Ông Võ Nguyên V phải chịu số tiền 18.500.000 (mười tám triệu, năm trăm nghìn) đồng, ghi nhận Võ Nguyên V đã thực hiện xong.

Buộc người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn C là bà Hồ Thị T, bà Lê Thị C1, ông Nguyễn Anh H (ch2 bà T2), chị Nguyễn Thị Kim N (con bà T2), anh Nguyễn Lê Ngọc T3 (con bà T2), ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4,

ông Lê Thanh L2, bà Lê Long X có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 18.500.000 (mười tám triệu năm trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế của ông Lê Văn C để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người bị thi hành án còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ T5 hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lê Văn C là bà Lê Thị C1, ông Nguyễn Anh H (chồng bà T2), chị Nguyễn Thị Kim N (con bà T2), anh Nguyễn Lê Ngọc T3 (con bà T2), ông Lê Văn Đ, ông Lê Đức T4, ông Lê Thanh L2, bà Lê Long X liên đới phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng.

- Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai T số 0005299, ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho ông Võ Nguyên V số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai T số 005114, ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T2: ông Nguyễn Anh H, chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Lê Ngọc T3 cùng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0004031, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Lê Đức T4 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0004032, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0004033, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bà Lê Long X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0004034, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

Bà Lê Thị C1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai T số 0004035, ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận đã nộp xong.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. T5 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Hữu Chiến

